

I. MÔ TẢ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1. Giới thiệu chương trình

Chương trình Cử nhân chất lượng cao chuyên ngành "Kinh doanh quốc tế theo mô hình tiên tiến Nhật Bản - JIB" do Trường đại học Ngoại thương cấp bằng được thiết kế với 3 trụ cột: Kiến thức Kinh doanh quốc tế hiện đại; Phương thức kinh doanh tiên tiến Nhật Bản; và Tri thức đại cương về xã hội nhân văn Việt Nam.

Bên cạnh việc cung cấp các kiến thức toàn diện về chuyên ngành Kinh doanh quốc tế, chương trình cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng cần thiết nhằm tiếp cận và giải quyết các vấn đề thực tiễn mang tính hệ thống theo phương thức kinh doanh tiên tiến Nhật Bản.

Chương trình được thiết kế giảng dạy với các mô hình gắn liền thực tiễn, đó là: (i) mô hình Lập kế hoạch kinh doanh (V-BIZ) giúp sinh viên xây dựng ý tưởng và lập kế hoạch kinh doanh cho các mảng hoạt động của doanh nghiệp hoặc một dự án kinh doanh mới theo cấp độ chuyên sâu tăng dần VBiz 1, 2, 3 trong suốt 4 năm đào tạo; (ii) mô hình Co-teaching 3 bên (các giáo sư Nhật Bản - giảng viên FTU - các chuyên gia, các nhà quản lý doanh nghiệp giàu kinh nghiệm của Nhật Bản và Việt Nam) thông qua sự hỗ trợ của Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA), các trường Đại học của Nhật Bản và Cộng đồng doanh nghiệp Keieijuku Việt Nam;; và (iii) các hoạt động tham quan doanh nghiệp, tọa đàm chuyên gia, thực tập tại doanh nghiệp v.v

Với kiến thức chuyên môn và kỹ năng được trang bị cùng khả năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ Tiếng Anh và năng lực giao tiếp cơ bản bằng Tiếng Nhật, sinh viên tốt nghiệp chương trình có thể đáp ứng tốt các vị trí việc làm như chuyên viên, quản lý, chuyên gia, nhà tư vấn và nhà hoạch định chính sách về quản lý và kinh doanh quốc tế trong các doanh nghiệp, tổ chức trong nước và quốc tế và học tập nâng cao trong tương lai.

2. Thông tin chung về chương trình:

Đơn vị cấp bằng	Trường Đại học Ngoại thương
Đơn vị đào tạo	Viện Phát triển Nguồn nhân lực Việt Nam-Nhật Bản
Tên văn bằng được cấp sau khi tốt nghiệp	Cử nhân
Tên ngành đào tạo	+ Tiếng Việt: Kinh doanh quốc tế + Tiếng Anh: International Business
Mã số ngành đào tạo	7340120
Tên chương trình đào tạo	Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học Ngành Kinh doanh quốc tế, chuyên ngành Kinh doanh quốc tế theo mô hình tiên tiến Nhật Bản

Số lượng tín chỉ cần đạt được	137
Hình thức đào tạo	Hệ chính quy
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Anh, Tiếng Việt
Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa	04 năm
Thời gian ban hành CTĐT	29/6/2017
Thời gian rà soát, sửa đổi chương trình gần nhất	2021
Kiểm định chương trình	Trong nước và quốc tế
Nơi phát hành, ban hành CTĐT	Trường Đại học Ngoại thương

3. Triết lý đào tạo:

Nhất quán với Triết lý giáo dục của Trường ĐH Ngoại Thương là “Giáo dục hướng tới khai phóng, gắn với thực tiễn, nuôi dưỡng tính trung thực, tinh thần trách nhiệm và năng lực sáng tạo”, triết lý giáo dục của chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học chuyên ngành Kinh doanh quốc tế theo mô hình tiên tiến Nhật Bản là:

“Giáo dục hướng tới khai phóng, phát triển toàn diện tri thức kinh doanh quốc tế; nâng cao năng lực tư duy, năng lực ứng dụng thực tiễn, năng lực đổi mới sáng tạo; và phát huy tri thức xã hội nhân văn Việt Nam và phương thức kinh doanh tiên tiến Nhật Bản”

4. Mục tiêu đào tạo

4.1 Mục tiêu chung

Mục tiêu của chương trình là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế, (i) có phẩm chất chính trị, đạo đức kinh doanh chân chính; (ii) có kiến thức chuyên môn hiện đại về kinh tế và kinh doanh quốc tế, phương thức kinh doanh tiên tiến Nhật Bản và tri thức xã hội nhân văn Việt Nam.

Sinh viên tốt nghiệp có năng lực tư duy sáng tạo và sẵn sàng tiếp nhận tri thức mới, năng lực ứng phó với sự thay đổi của môi trường kinh doanh, năng lực ứng dụng những công cụ quản lý, kinh doanh theo phương thức kinh doanh tiên tiến Nhật Bản vào thực tiễn hoạt động kinh doanh quốc tế; năng lực tự chủ và trách nhiệm, khả năng làm việc độc lập và khả năng học tập liên tục.

4.2 Mục tiêu cụ thể

- PO1: Có kiến thức nền tảng và hiện đại về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên - xã hội, các quy luật kinh tế và kinh doanh, các mô hình vận hành nền kinh tế

và hoạt động quản lý doanh nghiệp, các kiến thức pháp luật và xã hội nhân văn Việt Nam;

- PO2: Có kiến thức chuyên sâu về kinh doanh quốc tế, các công cụ quản trị chiến lược, quản trị vận hành, sản xuất, cung ứng, nhân sự, tài chính, marketing, truyền thông, thương hiệu và văn hóa kinh doanh theo góc độ tiếp cận của phương thức kinh doanh tiên tiến Nhật Bản;
- PO3: Có phẩm chất chính trị, đạo đức kinh doanh chân chính, tính trung thực, tinh thần trách nhiệm và ý thức phục vụ cộng đồng, có tinh thần khởi nghiệp, năng lực sáng tạo và học tập liên tục;
- PO4: Có kỹ năng chuyên môn thành thạo, vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành kinh doanh quốc tế; có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh trong các hoạt động nghề nghiệp để diễn đạt, xử lý tình huống chuyên môn thông thường;
- PO5: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp thông tin và ứng dụng các công cụ, phương thức kinh doanh tiên tiến của Nhật Bản để giải quyết các vấn đề của hoạt động kinh doanh thực tiễn;
- PO6: Có kỹ năng lập kế hoạch, điều phối thực thi, dẫn dắt chuyên môn, kiểm tra đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong kinh doanh quốc tế;
- PO7: Có năng lực quản lý và điều phối dự án kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế.

5. Chuẩn đầu ra

5.1 Chuẩn đầu ra về kiến thức

- PLO 1: Vận dụng được các kiến thức nền tảng về khoa học chính trị, khoa học xã hội, phương pháp luận, thế giới quan khoa học, công nghệ thông tin và các kiến thức giáo dục đại cương khác để học tập, nghiên cứu và làm việc liên tục;
- PLO 2: Vận dụng được các kiến thức vào thực tiễn kinh tế, kinh doanh, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành kinh doanh quốc tế và các kiến thức nền tảng về kinh tế và kinh doanh Nhật Bản;
- PLO 3: Phân tích đối sánh được các vấn đề về kinh doanh như: quản trị chiến lược, hệ thống sản xuất, cung ứng, quản trị nhân sự, tài chính, marketing, thương hiệu, truyền thông v.v trong các mô hình quản lý kinh doanh theo phương thức tiên tiến Nhật Bản và thế giới;
- PLO 4: Đánh giá các mô hình và công cụ quản lý kinh doanh trong các hoạt động kinh doanh thực tiễn tại các doanh nghiệp quốc tế và Việt Nam;
- PLO 5: Đề xuất được các ý tưởng sáng tạo và phát triển các dự án kinh doanh quốc tế thực tiễn.

5.2 Chuẩn đầu ra về kỹ năng

- PLO 6: Có kỹ năng vận dụng các kiến thức và công cụ thực hành vào việc giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế;
- PLO 7: Có kỹ năng tự tìm kiếm, tự tổng hợp dữ liệu thông tin chính xác, phát hiện và giải quyết vấn đề cụ thể trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế;

- PLO 8: Có kỹ năng đề xuất giải pháp và lập kế hoạch thực hiện cho các vấn đề kinh doanh quốc tế;
- PLO 9: Có kỹ năng sử dụng thành thạo tiếng Anh (tương đương bậc 5/6) và ngoại ngữ tiếng Nhật (tương đương bậc 3/6) theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- PLO10: Có kỹ năng sử dụng thành thạo tin học văn phòng theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

5.3 Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ, trách nhiệm

- PLO 11: Có thái độ cầu thị trong học tập, sẵn sàng đón nhận tri thức mới, thông tin mới trong các hoạt động kinh doanh quốc tế;
- PLO 12: Có tinh thần cởi mở, chấp nhận các giá trị khác biệt, khả năng thích nghi và ứng phó với sự thay đổi trong các hoạt động kinh doanh quốc tế và đời sống xã hội;
- PLO 13: Có tư duy đổi mới sáng tạo, không ngừng sáng tạo nên giá trị chung cho tổ chức và cộng đồng xã hội;
- PLO 14: Có tinh thần trách nhiệm, tham gia tích cực vào các hoạt động thực hành, thực tế, dự án, đề án v.v hướng tới lợi ích tập thể và lợi ích xã hội;
- PLO 15: Có tâm thế chủ động, độc lập trong tư duy và hành động (lập kế hoạch, triển khai, đánh giá và cải tiến các dự án, hoạt động kinh doanh thực tiễn), bản lĩnh vượt qua khó khăn, trách nhiệm với bản thân, tập thể và cộng đồng xã hội.

Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo của chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra (PLO)	Mục tiêu đào tạo (PO)						
	PO1	PO2	PO 3	PO 4	PO 5	PO 6	PO 7
PLO1	x	x	x	x	x	x	
PLO2	x	x		x	x	x	x
PLO3	x	x		x	x	x	x
PLO4	x	x		x	x	x	x
PLO5		x	x	x	x	x	x
PLO6	x	x		x	x	x	x
PLO7				x	x	x	x
PLO8				x	x	x	x
PLO9		x		x	x	x	x
PLO10	x	x	x		x		
PLO11			x		x	x	x
PLO12			x		x	x	x

PLO13			X		X	X	X
PLO14			X		X	X	X
PLO15			X		X	X	X

6. Nội dung chương trình

6.1 Cấu trúc chương trình

	Số tín chỉ	Tỷ trọng
1. Kiến thức giáo dục đại cương	47	34,32%
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	81	59,12%
<i>1.1. Kiến thức cơ sở ngành</i>	24	17,53%
- Bắt buộc	24	17,53%
- Tự chọn	0	0%
<i>1.2. Kiến thức ngành</i>	30	21,89%
- Bắt buộc	24	17,51%
- Tự chọn	6	4,38%
<i>1.3. Kiến thức chuyên ngành</i>	27	19,70%
- Bắt buộc	18	13,13%
- Tự chọn	9	6,57%
3. Học phần tốt nghiệp	9	6,56%
TỔNG	137	100%

6.2 Khung chương trình đào tạo

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC	Phân bổ thời gian				Môn học tiên quyết
				Trên lớp		Tiểu luận, bài tập lớn, thực tế (3)	Tự học có hướng dẫn (4)	
				Lý thuyết (1)	Thực hành (2)			
1	Kiến thức giáo dục đại cương		47					
1.1	Lý luận chính trị		11					
1	Triết học Mác-Lênin (<i>Marxist - Leninist Philosophy</i>)	TRIH114	3	30	15	25	80	Không
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin (<i>Marxist- Leninist Political Economy</i>)	TRIH115	2	21	9	15	55	Không

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC	Phân bổ thời gian				Môn học tiên quyết
				Trên lớp		Tiểu luận, bài tập lớn, thực tế (3)	Tự học có hướng dẫn (4)	
				Lý thuyết (1)	Thực hành (2)			
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học (<i>Scientific socialism</i>)	TRIH116	2	21	9	15	55	TRIH114 TRIH115
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh (<i>Ho Chi Minh's Ideology</i>)	TRIH104	2	21	9	15	55	TRIH114 TRIH115
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (<i>History of the communist party of Vietnam</i>)	TRIH117	2	21	9	15	55	TRIH114 TRIH115
1.2	Khoa học xã hội, Nhân văn - Nghệ thuật, Toán - Tin học		18					
1.2.1	Bắt buộc		12					
6	Toán cao cấp (<i>Advanced Mathematic</i>)	TOA107E	3	30	15	22.5	82.5	Không
7	Pháp luật đại cương (<i>Introduction to Law</i>)	PLU111E	3	30	15	22.5	82.5	Không
8	Tin học (<i>Informatics</i>)	TIN206E	3	30	30	0	90	Không
9	Định hướng và Kỹ năng nghề nghiệp (<i>Career Design and Skill</i>)	VJP101E	3	24	21	35	70	Không
1.2.2	Tự chọn		6					
10	Lý thuyết xác suất và thống kê toán (<i>The theory of probability and mathematical statistics</i>)	TOA201E	3	30	15	25	80	TOA107E

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC	Phân bổ thời gian				Môn học tiên quyết
				Trên lớp		Tiểu luận, bài tập lớn, thực tế (3)	Tự học có hướng dẫn (4)	
				Lý thuyết (1)	Thực hành (2)			
11	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh (<i>Research Methodology for Economics and Business</i>)	KTE206E	3	45	0	22.5	82.5	Không
12	Tư duy logic và phương pháp nghiên cứu (<i>Logical thinking and research methodology</i>)	PPH106	3	30	15	25	80	Không
13	Tâm lý học kinh doanh (<i>Psychology in Business</i>)	TLHE104	3	30	15	25	80	Không
14	Tiếng Việt cơ bản 1 (Basic Vietnamese 1)	TVIH100	3	22.5	22.5	15	90	Không
1.3	<i>Ngoại ngữ (Sinh viên đạt chuẩn một ngoại ngữ cho từng năm có thể lựa chọn miễn ngoại ngữ hoặc tích lũy tín chỉ bằng ngoại ngữ thứ hai)</i>		18					
15	Nghe nói nâng cao 1 (<i>Advanced Listening and Speaking 1</i>)	TAN211E	3	15	30	40	50	Không
16	Đọc hiểu nâng cao (<i>Advanced Reading</i>)	TAN212E	3	15	30	25	80	Không
17	Nghe nói nâng cao 2 (<i>Advanced Listening and Speaking 2</i>)	TAN204E	3	15	30	40	50	TAN211E
18	Viết luận nâng cao (<i>Advanced Writing</i>)	TAN213E	3	15	30	50	55	Không
19	Ngoại ngữ 4 (Tiếng Nhật)	TNH232	3	0	90	0	60	Không

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC	Phân bổ thời gian				Môn học tiên quyết
				Trên lớp		Tiểu luận, bài tập lớn, thực tế (3)	Tự học có hướng dẫn (4)	
				Lý thuyết (1)	Thực hành (2)			
	(<i>Japanese languages 4</i>)							
20	Ngoại ngữ 5 (Tiếng Nhật) (<i>Japanese languages 5</i>)	TNH331	3	0	90	0	60	Không
1.4	Giáo dục thể chất							
	Giáo dục thể chất				150			Không
1.5	Giáo dục quốc phòng, an ninh							
	Giáo dục quốc phòng				165			Không
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		81					
2.1	Kiến thức cơ sở khối ngành/cơ sở ngành		24					
21	Nguyên lý Kinh tế vi mô (<i>Principles of Microeconomics</i>)	KTE201E	3	45	0	22.5	82.5	Không
22	Nguyên lý Kinh tế vĩ mô (<i>Principles of Macroeconomics</i>)	KTE203E	3	45	0	22.5	82.5	TOA107E
23	Nguyên lý Tài chính (<i>Fundamentals of Finance</i>)	TCH302E	3	30	15	22.5	82.5	KTE201E
24	Quản trị căn bản (<i>Fundamentals of Management</i>)	QTR303E	3	30	15	25	80	Không
25	Nguyên lý kế toán (<i>Principles of Accounting</i>)	KET201E	3	45	0	22.5	82.5	Không
26	Nguyên lý Marketing (<i>Principles of Marketing</i>)	MKT302E	3	30	15	25	80	Không
27	Kinh tế kinh doanh (<i>Business Economics</i>)	KTE312E	3	30	15	25	80	Không

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC	Phân bổ thời gian				Môn học tiên quyết
				Trên lớp		Tiểu luận, bài tập lớn, thực tế (3)	Tự học có hướng dẫn (4)	
				Lý thuyết (1)	Thực hành (2)			
28	Chính sách thương mại quốc tế (<i>International Trade Policy</i>)	TMA301E	3	30	15	25	80	Không
2.2	Kiến thức ngành		30					
2.2.1	Bắt buộc		24					
29	Kinh doanh quốc tế (<i>International Business</i>)	VJP202E	3	30	15	25	80	QTR303E
30	Kế hoạch kinh doanh theo mô hình V-BIZ 1 (<i>V-BIZ Business Plan 1</i>)	VJP203E	3	30	15	25	80	Không
31	Kế hoạch kinh doanh theo mô hình V-BIZ 2 (<i>V-BIZ Business Plan 2</i>)	VJP303E	3	30	15	25	80	VJP203E
32	Kế hoạch Kinh doanh theo mô hình V-BIZ 3 (<i>V-BIZ Business Plan 3</i>)	VJP403E	3	30	15	25	80	VJP303E; VJP202E
33	Pháp luật kinh doanh quốc tế (<i>International Business Law</i>)	PLU410E	3	30	15	25	80	Không
34	Phân tích Tài chính (<i>Financial Analysis</i>)	VJP305E	3	30	15	23	82	TCH302E
35	Tiếng Anh thư tín thương mại và Hợp đồng (<i>Business Correspondence and Contract in English</i>)	TAN409E	3	15	30	50	55	Không
36	Tiếng Anh giao tiếp Kinh doanh	VJP204	3	15	30	40	50	Không

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC	Phân bổ thời gian				Môn học tiên quyết
				Trên lớp		Tiểu luận, bài tập lớn, thực tế (3)	Tự học có hướng dẫn (4)	
				Lý thuyết (1)	Thực hành (2)			
	<i>(English for Business Communication)</i>							
2.2.2	<i>Tự chọn</i>		6					
37	Cơ sở dữ liệu <i>(Database management system)</i>	TIN313E	3	30	15	25	80	Không
38	Lập trình cho phân tích dữ liệu và tính toán khoa học <i>(Programming for Data Analysis and Scientific Computing)</i>	TIN314E	3	30	15	25	80	Không
39	Trí tuệ nhân tạo trong kỷ nguyên chuyển đổi số <i>(AI in the Era of Digital Transformation)</i>	AID300E	3	30	15	25	80	Không
40	Phân tích dữ liệu kinh doanh <i>(Business Analytics)</i>	VJP205E	3	24	21	25	80	TOA201E
41	Giao dịch thương mại quốc tế <i>(International Trade Transactions)</i>	TMA302E	3	30	15	25	80	Không
42	Quản trị rủi ro trong kinh doanh quốc tế <i>(Risk Management in International Business)</i>	KDO402E	3	30	15	25	80	Không
43	Đổi mới sáng tạo <i>(Innovation)</i>	TMA319E	3	30	15	25	80	Không
2.3	Kiến thức chuyên ngành		27					
2.3.1	<i>Bắt buộc</i>		18					
44	Quản lý chuỗi cung ứng	TMA313E	3	30	15	25	80	Không

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC	Phân bổ thời gian				Môn học tiên quyết
				Trên lớp		Tiểu luận, bài tập lớn, thực tế (3)	Tự học có hướng dẫn (4)	
				Lý thuyết (1)	Thực hành (2)			
	(<i>Supply Chain Management</i>)							
45	Hệ thống sản xuất theo phong cách Nhật Bản Monozukuri (<i>Japanese style Production system</i>)	VJP414E	3	15	30	45	60	Không
46	Giao tiếp kinh doanh và Hành vi tổ chức theo phong cách Nhật Bản) (<i>Japanese Business communication & Organizational behavior</i>)	VJP412E	3	27	18	30	75	Không
47	Quản trị nguồn nhân lực theo phong cách Nhật Bản (<i>Japanese style HRM</i>)	VJP316E	3	24	21	35	70	Không
48	Văn hóa Nhật Bản & Giao thoa văn hóa trong KDQT (<i>Japanese Culture & Cross-Culture in International Business</i>)	VJP211E	3	21	24	35	70	Không
49	Kinh tế và Kinh doanh Nhật Bản (<i>Japanese Economy and Business</i>)	VJP312E	3	30	15	25	80	KTE201E KTE203E
2.3.2	Tự chọn		9					
50	Quản trị tinh gọn theo phong cách Nhật Bản (<i>Japanese style Lean Management (*)</i>)	VJP413E	3	30	15	25	80	Không
51	Thương mại điện tử	TMA306E	3	30	15	25	80	Không

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC	Phân bổ thời gian				Môn học tiên quyết
				Trên lớp		Tiểu luận, bài tập lớn, thực tế (3)	Tự học có hướng dẫn (4)	
				Lý thuyết (1)	Thực hành (2)			
	<i>(E-Commerce)</i>							
52	Thương hiệu trong kinh doanh quốc tế <i>(Brand in International Business)</i>	MKT407E	3	30	15	25	80	Không
53	Truyền thông trong kinh doanh quốc tế <i>(International Business Communication)</i>	VJP301E	3	30	15	25	80	Không
54	Thuế và hệ thống thuế ở Việt Nam <i>(Taxation and tax system in Viet Nam)</i>	TMA320E	3	30	15	25	80	Không
55	Quản trị chiến lược <i>(Strategic Management)</i>	QTR312E	3	30	15	25	80	QTR303E
56	Logistics và vận tải quốc tế <i>(Logistics and international freight forwarding)</i>	TMA305E	3	30	15	25	80	TMA302E
3	Học phần tốt nghiệp		9					
57	Học phần tốt nghiệp <i>(Graduation Thesis)</i>	VJP531E	9	150	70	80	150	

III. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH

1. Tiến trình đào tạo: thể hiện tiến độ triển khai các học phần theo học kỳ

Số TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC	Môn học tiên quyết	Học kỳ triển khai	1	2	3	4	5	6	7	8
1	Kiến thức giáo dục đại cương		47										
1.1	Lý luận chính trị		11										
1	Triết học Mác-Lênin	TRIH114	3	Không	1	▪							

Số TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC	Môn học tiên quyết	Học kỳ triển khai	1	2	3	4	5	6	7	8
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	TRIH115	2	Không	1, 2	▪	▪						
3	Chủ nghĩa xã hội Khoa học	TRIH116	2	TRIH114 TRIH115				▪	▪				
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TRIH104	2	TRIH114 TRIH115	2,3,4		▪	▪	▪				
5	Lịch sử Đảng CSVN	TRIH117	2	TRIH114 TRIH115	3,4,5			▪	▪	▪			
1.2	<i>Khoa học xã hội, Nhân văn - Nghệ thuật, Toán - Tin học</i>		18										
1.2.1	<i>Bắt buộc</i>		12	15									
6	Toán cao cấp	TOA107E	3	Không	1	▪							
7	Pháp luật đại cương	PLU111E	3	Không	2		▪						
8	Tin học	TIN206E	3	Không	4			▪	▪				
9	Định hướng và kỹ năng nghề nghiệp	VJP101E	3	Không	1	▪	▪						
1.2.1	<i>Tự chọn</i>		6										
10	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	TOA201E	3	TOA107E	2,3		▪	▪					
11	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	KTE206E	3	Không	3			▪					
12	Tư duy logic và phương pháp nghiên cứu khoa học	PPHH106	3	Không	3			▪					
13	Tâm lý học trong kinh doanh	TLHE104	3	Không	2, 3		▪	▪					
14	Tiếng Việt cơ bản 1	TVIH100	3	Không	2, 3		▪	▪					
1.3	<i>Ngoại ngữ (Sinh viên đạt chuẩn một ngoại ngữ cho từng năm có thể lựa chọn miễn ngoại ngữ hoặc tích lũy tín chỉ bằng ngoại ngữ thứ hai)</i>		18										
15	Nghe nói nâng cao 1	TAN211E	3	Không	1	▪							
16	Đọc hiểu nâng cao	TAN212E	3	Không	2		▪						
17	Nghe nói nâng cao 2	TAN204E	3	TAN211E	3			▪					
18	Viết luận nâng cao	TAN213E	3	Không	4				▪				
19	Ngoại ngữ 4 (Tiếng Nhật)	TNH232	3	Không	5,6					▪	▪		
20	Ngoại ngữ 5 (Tiếng Nhật)	TNH331	3	Không	6,7						▪	▪	
1.4	<i>Giáo dục thể chất</i>												
	Giáo dục thể chất			Không		▪	▪	▪	▪	▪	▪	▪	
1.5	<i>Giáo dục quốc phòng, an ninh</i>												

Số TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC	Môn học tiên quyết	Học kỳ triển khai	1	2	3	4	5	6	7	8
	Giáo dục quốc phòng			Không			▪	▪	▪	▪			
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		81										
2.1	Kiến thức cơ sở khối ngành/cơ sở ngành		24										
21	Nguyên lý kinh tế vi mô	KTE201E	3	Không	1	▪							
22	Nguyên lý kinh tế vĩ mô	KTE203E	3	Không	2		▪						
23	Nguyên lý tài chính	TCH302E	3	KTE201E	3				▪				
24	Quản trị căn bản	QTR303E	3	Không	1	▪							
25	Kế toán căn bản	KET201E	3	Không	3			▪					
26	Nguyên lý marketing	MKT302E	3	Không	2		▪						
27	Kinh tế kinh doanh	KTE312E	3	Không	3,4			▪	▪				
28	Chính sách thương mại quốc tế	TMA301E	3	Không	4,5				▪	▪			
2.3	Kiến thức ngành		30										
2.3.1	Bắt buộc		24										
29	Kinh doanh Quốc tế	VJP202E	3	QTR303E	2,3,4		▪	▪	▪				
30	Kế hoạch kinh doanh theo mô hình V-BIZ 1	VJP203E	3	Không	2		▪						
31	Kế hoạch kinh doanh theo mô hình V-BIZ 2	VJP303E	3	VJP203E	4				▪				
32	Kế hoạch kinh doanh theo mô hình V-BIZ 3	VJP403E	3	VJP303E VJP202E	7							▪	
33	Pháp luật Kinh doanh Quốc tế	PLU410E	3	Không	6					▪	▪		
34	Phân tích Tài chính	VJP305E	3	TCH302E	4,5				▪	▪			
35	Tiếng Anh thư tín thương mại và Hợp đồng	TAN409E	3	Không	5,6					▪	▪		
36	Tiếng Anh giao tiếp kinh doanh	VJP204	3	Không	5,6					▪	▪		
2.3.2	Tự chọn		6										
37	Cơ sở dữ liệu	TIN313E	3	Không							▪		
38	Lập trình cho phân tích dữ liệu và tính toán khoa học	TIN314E	3	Không								▪	
39	Trí tuệ nhân tạo trong kỹ nguyên chuyển đổi số	AID300E	3	Không								▪	
40	Phân tích dữ liệu kinh doanh	VJP205E	3	TOA201E							▪		

Số TT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC	Môn học tiên quyết	Học kỳ triển khai	1	2	3	4	5	6	7	8
41	Giao dịch thương mại quốc tế	TMA302E	3	Không	5						▪	▪	
42	Quản trị rủi ro trong kinh doanh quốc tế	KDO402E	3	VJP202E	5,6					▪	▪		
43	Đổi mới sáng tạo	TMA319E	3	Không								▪	
2.4	Kiến thức chuyên ngành		27										
2.4.1	Bắt buộc		18										
44	Quản lý chuỗi cung ứng	TMA313E	3	Không	6,7						▪	▪	
45	Hệ thống sản xuất theo phong cách Nhật Bản (Monozukuri)	VJP414E	3	Không	6,7						▪	▪	
46	Giao tiếp Kinh doanh và Hành vi tổ chức theo phong cách Nhật Bản	VJP412E	3	Không	3,4			▪	▪				
47	Quản trị nguồn nhân lực theo phong cách Nhật Bản	VJP316E	3	Không	5,6					▪	▪		
48	Văn hóa Nhật Bản và Giao thoa văn hóa	VJP211E	3	Không	3,4			▪	▪				
49	Kinh tế và Kinh doanh Nhật Bản	VJP312E	3	KTE201E KTE203E	7					▪	▪		
2.4.2	Tự chọn		9										
50	Quản trị tinh gọn theo phong cách Nhật Bản	VJP413E	3	Không	5,6,7					▪	▪	▪	
51	Thương mại điện tử	TMA306E	3	Không	5,6,7					▪	▪	▪	
52	Thương hiệu trong Kinh doanh Quốc tế	MKT407E	3	Không	5,6,7					▪	▪	▪	
53	Truyền thông trong Kinh doanh Quốc tế	VJP301E	3	Không	5,6,7					▪	▪	▪	
54	Thuế và hệ thống thuế ở Việt Nam	TMA320E	3	Không	5,6,7					▪	▪	▪	
55	Quản trị chiến lược	QTR312E	3	QTR303E	5,6,7					▪	▪	▪	
56	Logistics và vận tải quốc tế	TMA336E		TMA302E	5,6,7					▪	▪	▪	
2.5	Học phần tốt nghiệp		9										
57	Học phần tốt nghiệp	VJP531E	9										▪